

**Quyết định giám đốc thẩm**

Số: 22/2022/HNGĐ-GĐT

Ngày: 28/9/2022

V/v Xin ly hôn.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa:* Ông Bùi Đức Xuân

*Các Thẩm phán:* Ông Võ Văn Khoa

Ông Tô Chánh Trung

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Vũ Phương, Thẩm tra viên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh**  
tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phụng, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hôn nhân và gia đình về “Xin ly hôn”; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1974. Địa chỉ: Thôn 11, xã N, huyện B, tỉnh L.

- *Bị đơn:* Ông Đỗ Đình T, sinh năm 1970. Địa chỉ: Thôn 11, xã N, huyện B, tỉnh L.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1968

2. Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1969

Đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh, bà Ngân: bà Trần Thị Nguyệt Nga, sinh năm 1997 (Văn bản ủy quyền lập ngày 10/3/2020); Cùng trú địa chỉ: Số 271 đường Hàm Nghi, thị trấn M, huyện B, tỉnh L.

3. Bà Trần Thị T, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số 104 đường Trương Định, Tổ 7, thị trấn M, huyện B, tỉnh L.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại Đơn khởi kiện ngày 27 tháng 4 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc N trình bày:*

Năm 1992, bà và ông Đỗ Đình T yêu thương, chung sống với nhau, đến ngày 22/02/2019, bà và ông Thế đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (*sau đây gọi tắt là UBND*) xã N, huyện B, tỉnh L. Nay, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn giữa vợ chồng trầm trọng nên bà Ngà yêu cầu ly hôn ông Thế.

Quá trình chung sống, bà và ông Thế có 03 người con chung là chị Đỗ Thị Thu Diệu (sinh 14/6/1992), chị Đỗ Thị Thúy Hiền (sinh 07/5/2001) và Đỗ Trọng Ngôi (sinh 01/6/2003). Do chị Diệu, chị Hiền đã đủ tuổi thành niên, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà đồng ý giao Đỗ Trọng Ngôi cho ông Thế có trách nhiệm nuôi dưỡng đến khi đủ tuổi thành niên.

Về tài sản chung:

- 01 chiếc xe ô tô hiệu VIOS biển số 49A-247.18 mang tên bà Nguyễn Thị Ngọc N nhưng đã thế chấp ở Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á - Chi nhánh Đà Lạt với số tiền nợ khoảng 290.000.000 đồng tiền gốc. Hiện bà, ông Thế đã bán xe trả hết nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần Bắc Á - Chi nhánh Đà Lạt nên không yêu cầu gì.

- Đối với 02 thửa đất đang bị Tòa án phong tỏa gồm:

+ Diện tích đất và tài sản trên đất thuộc thửa số 167, tờ bản đồ số 106, diện tích 2.223m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại Thôn 11, xã N, huyện B, tỉnh L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*sau đây gọi tắt là GCNQSDĐ*) số CA 763643 ngày 14/7/2015 mang tên ông Đỗ Đình T.

+ Diện tích đất và tài sản trên đất thuộc thửa số 176, tờ bản đồ số 106, diện tích 2.671,7m<sup>2</sup> đất nông nghiệp tọa lạc tại Thôn 11, xã N, huyện B, tỉnh L đã được cấp GCNQSDĐ số CA 171897 ngày 29/5/2015 mang tên ông Đỗ Đình T.

Hai thửa đất này là tài sản riêng của ông Đỗ Đình T, không phải tài sản chung của vợ chồng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung:

+ Số tiền khoảng 290.000.000 đồng vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á - Chi nhánh Đà Lạt đã trả xong, nên không có ý kiến gì.

+ Đối với số tiền 650.000.000 đồng bà vay của bà Trần Thị T ngày 20/5/2019, hạn trả ngày 20/5/2020, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng. Bà đã trả tiền lãi cho bà Tâm là 19.500.000 đồng/tháng kể từ ngày vay đến hết ngày 20/3/2020 thì không còn khả năng trả nợ nữa. Bà thừa nhận đây là khoản vay không liên

quan đến ông Thế, bà đồng ý trả nợ một mình số tiền còn thiếu cho bà Tâm nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng

+ Đối với số tiền 6.500.000.000 đồng là khoản nợ bà vay của ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Kim N theo 07 giấy nhận nợ. Tất cả các giấy nhận nợ này bà Ngân yêu cầu bà Ngà viết, ký tên và ký tên thay cả chữ ký của ông Đỗ Đình T, nhưng thực tế cả 07 lần ký giấy nợ thì ông Huynh, bà Ngân đều không giao tiền. Do bà tin tưởng vì chị em làm ăn với nhau từ lâu nên không đòi lại giấy nhận nợ bà đã ký. Do giấy nhận nợ chưa có chữ ký của ông Huynh, bà Ngân nên bà không lấy lại. Nay ông Huynh, bà Ngân khởi kiện thì bà không đồng ý trả.

*Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Đỗ Đình T trình bày:*

Ông thống nhất lời trình bày của bà Ngà về hôn nhân. Về con chung ông đồng ý nuôi dưỡng Đỗ Trọng Ngôi cho đến khi đủ tuổi trưởng thành và không yêu cầu bà Ngà phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: hai thửa đất bà Ngà đề cập trên đây là tài sản riêng của ông nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Đối với số tiền 290.000.000 đồng là khoản nợ trả góp mua xe ô tô, ông và bà Ngà đã trả xong nên không có ý kiến. Đối với các khoản nợ bà Ngà vay của ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Kim N, bà Trần Thị T thì ông không biết các khoản nợ này và không có yêu cầu gì vì đây là nợ riêng của bà Ngà.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Kim N trình bày: Ông Huynh, bà Ngân có quen biết và nhiều lần cho ông Thế, bà Ngà vay tiền để đáo hạn ngân hàng tổng cộng số tiền ông Thế, bà Ngà đã 07 lần vay là 6.500.000.000 đồng, mỗi lần vay thời hạn đều 10 ngày, cụ thể như sau: Ngày 25/8/2019, vay số tiền 2.400.000.000 đồng; Ngày 18/9/2019, vay số tiền 1.350.000.000 đồng; Ngày 14/11/2019 vay số tiền 600.000.000 đồng; Ngày 16/11/2019, vay số tiền 850.000.000 đồng; Ngày 25/11/2019, vay số tiền 300.000.000 đồng; Ngày 26/11/2019, vay số tiền 600.000.000 đồng; Ngày 23/12/2019, vay số tiền 400.000.000 đồng.

Mỗi lần nhận tiền, ông Thế, bà Ngà đều viết và ký tên vào giấy vay tiền. Về lãi suất hai bên không ghi trong giấy vay tiền mà thỏa thuận miệng là 3%/ngày nhưng thực tế ông Thế, bà Ngà không trả lãi. Đến hạn, ông, bà đã đòi nhiều lần nhưng ông Thế, bà Ngà cố tình không trả. Nay ông, bà khởi kiện yêu cầu ông Thế, bà Ngà phải trả số tiền nợ gốc là 6.500.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Đồng thời yêu cầu tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời mà Tòa án đã áp dụng tại Quyết định số 08/2020/QĐ-BPKCTT ngày 21/4/2020.

- Bà Trần Thị T trình bày: Ngày 20/5/2019 bà có cho ông Thế, bà Nga vay số tiền 650.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 20/5/2020. Khi vay tiền, bà Nga có viết 01 giấy mượn tiền, hai bên thỏa thuận bằng miệng lãi suất là 0,7%/ tháng và trả lãi hàng tháng, nhưng ông Thế, bà Nga chỉ trả lãi đến ngày 20/11/2019. Đến hạn, bà đã nhiều lần đòi tiền nhưng ông Thế, bà Nga cố tình không trả. Nay bà Tâm khởi kiện yêu cầu ông Thế, bà Nga phải trả số tiền nợ gốc là 650.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,7%/ tháng kể từ ngày 21/11/2019 đến nay. Yêu cầu tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời Tòa án đã áp dụng tại Quyết định số 07/2020/QĐ-BPKCTT ngày 29/4/2020 và Quyết định số 10/2020/QĐ-BPKCTT ngày 07/5/2020.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 05/2021/HNGĐ-ST ngày 05/02/2021, Tòa án nhân dân huyện B đã quyết định (tóm tắt):

*Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc N đối với ông Đỗ Đình T về tranh chấp “Ly hôn”. Xử cho bà Nguyễn Thị Ngọc N được ly hôn với ông Đỗ Đình T.*

*Về con chung: Giao Đỗ Trọng Ngôi sinh ngày 01/6/2003 cho ông Đỗ Đình T có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên. Bà Nguyễn Thị Ngọc N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.*

*Về tài sản: Bà Nguyễn Thị Ngọc N và ông Đỗ Đình T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.*

*Về nợ chung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T và vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Kim N đối với vợ chồng ông Đỗ Đình T, bà Nguyễn Thị Ngọc N về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.*

*Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc N phải có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị T số tiền 357.987.500 đồng (trong đó tiền gốc là 325.000.000 đồng; tiền lãi là 32.987.500 đồng) và phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Kim N số tiền là 3.250.000.000 đồng tiền gốc.*

*Buộc ông Đỗ Đình T phải có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị T số tiền 357.987.500 đồng (trong đó tiền gốc là 325.000.000 đồng; tiền lãi là 32.987.500 đồng) và phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Kim N số tiền là 3.250.000.000 đồng tiền gốc.*

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 19/02/2021, bà Nguyễn Thị Ngọc N kháng cáo không đồng ý trả nợ cho ông Huynh, bà Ngân.

Ngày 19/02/2021, ông Đỗ Đình T kháng cáo không đồng ý trả 1/2 số nợ mà bà Nga vay của bà Tâm, ông Huỳnh và bà Ngân. Ông không đồng ý việc Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với 02 lô đất đứng tên ông.

Ngày 22/02/2021, bà Tâm kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tuyên: Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2020/QĐ-BPKCTT ngày 29/4/2020 và số 10/2020/QĐ-BPKCTT ngày 07/5/2020 trong bản án. Đồng thời yêu cầu tính lãi của số tiền nợ gốc 650.000.000 đồng mà bà Nga, ông Thế vay theo mức lãi suất 0,7%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 20/11/2018 đến ngày xét xử phúc thẩm.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 09/2021/HNGĐ-PT ngày 27/5/2021, Tòa án nhân dân tỉnh L đã quyết định (*tóm tắt*):

*Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc N, bị đơn ông Đỗ Đình T. Chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T.*

*Sửa Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 05/2021/HNGĐ-ST ngày 05/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, cụ thể như sau:*

*- Đối với phần tiền lãi của bà Trần Thị T:*

*Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc N phải có trách nhiệm trả cho bà Tâm tiền lãi là 41.405.000 đồng.*

*Buộc ông Đỗ Đình T phải có trách nhiệm trả cho bà Tâm tiền lãi là 41.405.000 đồng.*

*- Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2020/QĐ-BPKCTT ngày 29/4/2020, Quyết định số 08/2020/QĐ-BPKCTT ngày 21/4/2020 và Quyết định số 10/2020/QĐ-BPKCTT ngày 07/5/2020 đều của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ”.*

*Bà Trần Thị Nguyệt Nga được nhận lại số tiền 20.000.000 đồng đã nộp vào tài khoản phong tỏa tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh B - L II theo giấy nộp tiền ngày 21/4/2020.*

*Bà Trần Thị T được nhận lại số tiền 30.000.000 đã nộp vào tài khoản phong tỏa tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh B - L II theo giấy nộp tiền ngày 29/4/2020 và được nhận lại số tiền 20.000.000 đồng đã nộp vào tài khoản phong tỏa tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh B - L II theo giấy nộp tiền ngày 07/5/2020.*

Ngày 25/3/2022, ông Đỗ Đình T có đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm đối với Bản án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 09/2021/HNGĐ-PT ngày 27/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh L, do kết luận trong bản án không phù hợp tình tiết khách quan vụ án. Tòa án vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 138/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 12/7/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kháng nghị đối với Bản án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 09/2021/HNGĐ-PT ngày 27/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh L, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm hủy một phần Bản án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm nêu trên (Hủy phần xác định nợ chung và nghĩa vụ liên đới trả nợ đối với khoản nợ 6.500.000.000 đồng bà Ngà ký tên vay của ông Huynh, bà Ngân). Giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân tỉnh L xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Xét thấy quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm đã có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về việc bỏ lọt người tham gia tố tụng; việc thu thập chứng cứ và chứng minh chưa được thực hiện đầy đủ, không đúng quy định của Chương VII về chứng minh và chứng cứ của Bộ luật Tố tụng dân sự dẫn đến kết luận trong bản án không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án cụ thể như sau:

#### **[1] Về việc bỏ lọt người tham gia tố tụng:**

[1.1] Tại GCNQSDĐ số CA 171897 ngày 29/5/2015 của UBND huyện B, tỉnh L đã cấp cho ông Đỗ Đình T diện tích 2671,7m<sup>2</sup> đất nông nghiệp, thuộc thửa đất số 176, tờ bản đồ số 106 tại địa chỉ: Thôn 11, xã N, huyện B. Tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2020/QĐ-BPKCTT ngày 07/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L đã áp dụng với biện pháp khẩn cấp tạm thời “*Phong tỏa tài sản người có nghĩa vụ*” toàn bộ diện tích đất nêu trên để đảm bảo việc thi hành án.

[1.2] Tại GCNQSDĐ số CA 763643 ngày 14/7/2015 của UBND huyện B, tỉnh L đã cấp cho ông Đỗ Đình T diện tích 2.223m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa đất số 167, tờ bản đồ số 106 tại địa chỉ: Thôn 11, xã N, huyện B. Tại Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Thanh Loan ngày 17/4/2020) thể hiện: bên chuyển nhượng là

ông Đỗ Đình T, bà Nguyễn Thị Ngọc N và các con là anh, chị Đỗ Thị Thu Diệu, Đỗ Thị Thúy Hiền và Đỗ Trọng Ngôi đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích 2.223m<sup>2</sup> nêu trên cho bà Đỗ Thị Hiếu, sinh năm 1975, địa chỉ: Thôn 2, xã N, huyện B, tỉnh L. Theo Phiếu cung cấp thông tin số 1761/PCCTT ngày 21/4/2020 của Văn phòng Đăng ký đất đai, Chi nhánh huyện B cung cấp “*Hiện thửa đất 167 ông Đỗ Đình T đang trong quá trình thực hiện đăng ký chuyển quyền cho bà Đỗ Thị Hiếu tại Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện B.*”. Tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2020/QĐ-BPKCTT ngày 21/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L đã áp dụng với biện pháp khẩn cấp tạm thời “*Phong tỏa tài sản người có nghĩa vụ*” toàn bộ diện tích đất nêu trên để đảm bảo việc thi hành án.

[1.3] Như vậy, trước khi Tòa án nhân dân huyện B ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, thửa đất số 167 đã được ông Thế, bà Ngà cùng các con chuyển nhượng cho bà Đỗ Thị Hiếu. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà Đỗ Thị Hiếu là người nhận chuyển nhượng cũng như các con ông Thế, bà Ngà vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bỏ lọt người tham gia tố tụng, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Thế kháng cáo không đồng ý Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; Biên bản phiên tòa phúc thẩm thể hiện ông Thế trình bày đã bán đất nhưng Tòa án cấp phúc thẩm vẫn quyết định không chấp nhận kháng cáo của ông Thế, tiếp tục duy trì các Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là không đúng quy định của pháp luật.

## **[2] Việc thu thập chứng cứ và chứng minh:**

[2.1] Bà Ngà và ông Thế chung sống với nhau từ năm 1992 và có 03 con chung, đến ngày 22/02/2019 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Như vậy, theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, bà Ngà và ông Thế được công nhận là vợ chồng từ ngày 22/02/2019.

Ông Thế được UBND cấp đứng tên 02 quyền sử dụng đất trong năm 2015, trong thời kỳ chung sống với bà Ngà nhưng chưa được pháp luật công nhận là vợ chồng nên chưa có cơ sở xác định quyền sử dụng đất thuộc sở hữu chung hợp nhất. Ông Thế trình bày nguồn gốc 01 quyền sử dụng đất do ông khai phá trước khi lấy bà Ngà, còn 01 quyền sử dụng đất do cha của ông là Đỗ Đình Tuấn mua giao cho ông là con trưởng đứng tên làm nhà từ đường. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm không thu thập 02 hồ sơ cấp quyền sử dụng đất để xem xét nguồn gốc đất ông Thế được cấp như thế nào, có thuộc trường hợp quyền sử dụng đất thuộc sở hữu chung theo phần của bà Ngà và ông Thế hay không? Lý do nào Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Thanh Loan ngày 17/4/2020) lại thể hiện bên chuyển nhượng là các thành viên hộ gia đình gồm: ông Đỗ Đình T, bà Nguyễn Thị Ngọc N và các con là anh, chị Đỗ Thị Thu Diệu, Đỗ Thị Thúy Hiền và Đỗ

Trọng Ngôi là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ trong việc áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời.

[2.2] Theo hồ sơ vụ án thể hiện các giấy nợ cụ thể:

[2.2.1] Tại “Giấy mượn tiền” đề ngày 20/5/2019 (DL) thể hiện nội dung vợ chồng bà Ngà, ông Thế có mượn của bà Trần Thị T số tiền 650.000.000 đồng, thời hạn trả 20/5/2020 (DL). Giấy mượn tiền này chỉ có chữ ký của bà Ngà, không có chữ ký của ông Thế.

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 27/4/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Tâm yêu cầu vợ chồng bà Ngà, ông Thế phải trả nợ. Ông Thế cho rằng không biết khoản nợ này nên không đồng ý trả.

[2.2.2] Tại 07 giấy nhận nợ và Hợp đồng cho vay tiền đề các ngày 25/8/2019; 18/9/2019; 14/11/2019; 16/11/2019; 25/11/2019; 26/11/2019 ngày 23/12/2019 thể hiện vợ chồng ông Thế, bà Ngà vay và mượn nợ của ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Kim N tổng cộng số tiền 6.500.000.000.000 đồng. Các giấy nhận nợ và Hợp đồng cho vay tiền đều có chữ ký của ông Thế, bà Ngà.

Theo Đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, ông Huynh và bà Ngân cho rằng khi đưa tiền vay vợ chồng bà Ngà, ông Thế có ký nhận vào giấy nợ và hợp đồng vay nên yêu cầu vợ chồng bà Ngà, ông Thế phải trả nợ. Bà Ngà trình bày bà Ngân yêu cầu khi mượn tiền phải ghi tên chồng là ông Thế nên bà Ngà tự ký tên ông Thế vào các giấy nhận nợ và Hợp đồng cho vay tiền. Thực tế bà không nhận khoản tiền nào của bà Ngân, ông Huynh; bà Ngà khai có làm ăn bên ngoài và có nợ và tự chịu trách nhiệm, không liên quan gì đến ông Thế. Đối với ông Thế trình bày không biết gì về việc vay mượn nợ giữa bà Ngà với ông Huynh, bà Ngân; ông không ký vào 07 giấy nợ trên, ông không yêu cầu giám định chữ ký.

[2.2.3] Tại khoản 1 Điều 100 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “1. Theo yêu cầu của đương sự hoặc khi xét thấy có mâu thuẫn trong lời khai của các đương sự, người làm chứng, Thẩm phán tiến hành đối chất giữa các đương sự với nhau, giữa đương sự với người làm chứng hoặc giữa những người làm chứng với nhau.”. Tại khoản 2 Điều 102 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “2. Theo yêu cầu của đương sự hoặc khi xét thấy cần thiết, Thẩm phán ra quyết định trưng cầu giám định.”.

Xét thấy trong lời khai của ông Thế, bà Ngà và ông Huynh, bà Ngân có nhiều mâu thuẫn trong việc xác định ông Thế có ký hay không ký vào các giấy nợ số tiền 6.500.000.000.000 đồng cũng như khoản nợ của bà Tâm ông Thế có biết như trình bày của bà Tâm. Mặc dù ông Thế không yêu cầu giám định chữ ký, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm không tiến hành cho đối



chất giữa các đương sự với nhau cũng như không quyết định trưng cầu giám định chữ ký của ông Thế là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[2.3] Tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định trách nhiệm liên đới của vợ chồng như sau:

*“1. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của Luật này.*

*2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này.”.*

Luật Hôn nhân và gia đình quy định tại các Điều 24: trường hợp bên giao dịch đã là đại diện hợp pháp của bên kia (theo ủy quyền hoặc theo pháp luật); Điều 25: trường hợp kinh doanh chung; Điều 26: trường hợp người thứ ba ngay tình được bảo vệ; Điều 37: trường hợp *“nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình”*.

Tại khoản 20 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“20. Nhu cầu thiết yếu là nhu cầu sinh hoạt thông thường về ăn, mặc, ở, học tập, khám bệnh, chữa bệnh và nhu cầu sinh hoạt thông thường khác không thể thiếu cho cuộc sống của mỗi người, mỗi gia đình.”.*

Luật Hôn nhân và gia đình không có quy định nào xác định việc vợ hoặc chồng cứ vay trong thời kỳ hôn nhân là nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Thế không thừa nhận có biết khoản nợ của bà Tâm; không biết và không ký vào các giấy tờ nợ ông Huỳnh, bà Ngân. Hồ sơ vụ án không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện ông Thế biết việc bà Ngà vay tiền của các chủ nợ là bà Tâm, ông Huỳnh và bà Ngân, đồng thời không có căn cứ xác định bà Ngà vay tiền để nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt thiết yếu của gia đình theo quy định tại Điều 27; khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Các chủ nợ cho rằng ông Thế biết việc bà Ngà vay tiền thì phải có trách nhiệm chứng minh ông Thế biết và đồng tình để bà Ngà vay tiền. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm nhận định đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên buộc ông Thế cùng bà Ngà có trách nhiệm liên đới trả nợ cho các chủ nợ là bà Tâm, ông Huỳnh và bà Ngân là không đúng quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 325, Điều 337, Điều 342, khoản 3 Điều 343, Điều 348, Điều 349 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015,

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 138/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 12/7/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy toàn bộ Bản án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 09/2021/HNGĐ-PT ngày 27/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh L và một phần Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 05/2021/HNGĐ-ST ngày 05/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L (về phần nợ chung), đối với vụ án “Xin ly hôn”; giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc N, bị đơn là ông Đỗ Đình T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông, bà Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị Kim N, Trần Thị T.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Chánh án (để báo cáo);
  - Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học TANDTC;
  - VKSNDCC tại TP.HCM (để biết);
  - TAND tỉnh L;
  - TAND huyện B;
  - Chi cục THADS huyện B;
  - Cục THADS tỉnh L;
  - Các đương sự (theo địa chỉ);
  - Lưu VP, Phòng HCTP, Phòng GDKTIII, HSVA.
- VPg

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Đức Xuân**